

Vấn đề lý bóc lột lao động nhìn từ lý thuyết thặng dư của Marx và kinh tế hiện đại

Vũ Quang Việt¹

Lý thuyết giá trị thặng dư đã được Marx sử dụng để phân tích kinh tế tư bản chủ nghĩa trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản hoạt động với rất ít các định chế ràng buộc, kiểm soát và can thiệp của nhà nước². Cuộc đại khủng hoảng kinh tế năm 1929-30, kéo dài đến thế chiến lần thứ hai đã khiến các nhà kinh tế đặt lại vai trò của nhà nước đối với chế độ tư bản này. Có thể nói Keynes là nhà kinh tế đi đầu trong việc nhấn mạnh đến vai trò can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế. Kinh tế tư bản phục hồi và từ đó dù vẫn tiếp tục trải qua nhiều khủng hoảng nhưng nó cũng chứng tỏ sức sống mãnh liệt của nó trong việc phát huy tiềm năng con người về khoa học kỹ thuật và đưa tiềm năng này vào phát triển kinh tế. Trong khi các nước tư bản tìm mọi cách cải cách thì xuất hiện một mô hình kinh tế mới của các nước xã hội chủ nghĩa, đứng đầu là Liên Xô, lấy hoạch định kinh tế làm cơ sở trong đó nhà nước đóng vai trò chủ chốt về mọi mặt của cuộc sống, nhưng về mặt kinh tế thì nắm toàn bộ giá trị thặng dư, tập trung vào tích lũy để phát triển là điểm mấu chốt. Mô hình mới này vận động tổng hợp được sức mạnh của khoa học kỹ thuật và tiềm năng thiên nhiên sẵn có cũng như sự hy sinh của con người đã tạo được đột biến trong phát triển cho Liên Xô, nhưng rồi do năng suất thấp kém, tiềm năng con người bị đè bẹp trong hệ thống nhà nước hoạch định ngày càng quan liêu hoá, vài người nghĩ cho nhiều người, nền kinh tế Liên Xô đã đi đến chỗ phá sản. Các nước khác do sống nhờ vào sức mạnh kinh tế của Liên Xô cũng có số phận tương tự. Thực tế này cho thấy để giải quyết vấn đề người bóc lột người trong một chế độ kinh tế tư bản, mà lý thuyết thặng dư nói tới, kinh tế hoạch định kiểu cũ không phải là giải pháp. Mục đích xoá bỏ người bóc lột người vẫn sẽ tiếp tục là mục tiêu của những người cấp tiến trong đó có những người theo chủ nghĩa Marx, nhưng kinh nghiệm thực tế vừa qua đòi hỏi việc nhìn nhận lại lý thuyết thặng dư và từ đó đúc kết nhằm đưa đến một cái nhìn mới về xã hội không còn bóc lột lao động hay ít nhất là về một xã hội mà tình trạng bóc lột được giảm thiểu tới mức tối đa. Bài viết này là nhằm mục đích đó.

Lý thuyết thặng dư của Marx

Mác giải thích thặng dư giá trị như sau: “Hình thức đúng đắn của quá trình này do đó là $M-C-M'$, $M' = M + \Delta M$ = tổng số ban đầu cộng thêm phần tăng thêm. Phần tăng thêm

¹ Bài này viết vào 1 tháng 4 năm 2003 đã qua vài lần sửa chữa, lần thứ nhất, sau buổi hội thảo tại Hà Nội và lần thứ hai sau hội thảo hè 2002. Tác giả xin cảm ơn anh Phan Huy Đường đã đọc rất kỹ bài và cho nhiều ý kiến có giá trị, đồng ý và không đồng ý. Tác giả sửa một số điểm tự thấy mình sai. Những điểm khác là do khác ý kiến của tác giả và anh Phan Huy Đường.

² Ở bản thảo trước tôi viết đây là thời kỳ chủ nghĩa tư bản hoạt động hoàn toàn tự do mà không bị các định chế nhà nước ràng buộc và kiểm soát. Phan Huy Đường cho là làm gì có chuyện đó. Chủ nghĩa tư bản làm ra luật pháp hay dùng quyền lực để bảo vệ nó. Điều nhận xét của anh Đường là đúng. Tuy nhiên ở đây tôi chỉ muốn nói đến các định chế kinh tế hạn chế quyền lực của người chủ. Chẳng hạn nhà nước thiết lập ra lương tối thiểu, đóng bảo hiểm thất nghiệp, vai trò kiểm soát tiền tệ của ngân hàng trung ương, quyết định giá của các công ty độc quyền, cấm các hoạt động bẽ lũ trong việc định giá, đặt ra nguyên tắc kế toán và kiểm tra báo cáo tài chính đối với công ty có bán cổ phần trên thị trường chứng khoán, v.v.

này, phân vượt giá trị ban đầu này tôi gọi là giá trị thặng dư.”³ Thặng dư như vậy là quá trình chuyển lượng tiền ban đầu (M) qua sản xuất hàng hoá (C) để đem về được lượng tiền M’ lớn hơn.

Thặng dư giá trị bao gồm cả lãi và lợi nhuận như Mác viết: “Nhà tư bản tạo ra thặng dư giá trị — nghĩa là rút tĩa lao-động-không-trả-công thẳng từ người lao động và gán nó vào hàng hoá - thật ra là người nắm lấy ban đầu⁴, nhưng không phải là người sở hữu cuối cùng thặng dư giá trị này. Anh ta phải chia cho các tay tư bản khác, như chủ đất, v.v. Thặng dư giá trị do đó bị phân thành nhiều phần, rơi vãi cho nhiều thành phần dưới nhiều dạng như lợi nhuận, lãi, lợi nhuận của nhà buôn, tiền thuê, v.v.”⁵

Ý niệm giá trị thặng dư của Marx có thể trình bày theo thống kê kinh tế hiện đại trong bảng 1.

Bảng 1: Phân phối doanh thu và thặng dư theo ý niệm thống kê hiện đại

	Giá hàng hoá	
Trừ	Chi phí sản xuất	
	Hàng hoá và dịch vụ dùng trong sản xuất Lương bổng Thuế sản xuất Khấu hao	Giá trị tăng thêm tính vào GDP
Bằng	Giá trị thặng dư	
Trừ	Lãi trả cho vốn vay ngân hàng và vốn cổ phần	
	Lợi nhuận	

Giá trị thặng dư theo quan điểm của Marx⁶ như đã trình bày ở trên là giá trị hàng hoá trên thị trường sau khi trừ đi chi phí sản xuất là chi phí hàng hoá và dịch vụ dùng trong sản xuất⁷, chi phí trả cho lao động, thuế sản xuất và khấu hao tài sản cố định dùng cho sản xuất. Giá trị thặng dư gồm hai phần:

- Phần trả lãi cho vốn mà doanh nghiệp vay ngân hàng. Phần trả cho tiền thuê đất, sử dụng bầu trời, biển, tài sản trong lòng đất hoặc nói rộng ra là các tài sản không do con người làm ra (tức là không do lao động tạo ra) Marx đều

³ *Capital, Vol. I*, Encyclopaedia Britannica, Great Books of the Western World, Vol. 50, Chicago and London, trang 37.

⁴ Bản thảo trước tôi dịch chữ “the first appropriator” là “người đánh cắp ban đầu”, nhưng anh Phan Huy Đường cho thế là không đúng vì Marx đã phê phán Proudhon về điểm này. Thặng dư không phải là do đánh cắp, lừa bịp, áp đặt mà là bản chất của chế độ tư bản trên cơ sở trao đổi đúng giá trên thị trường.

⁵ *Capital, Vol I*, s@d, giiii thiỒu ch-ng 23, trang 279.

⁶ Để phù hợp với quan điểm của Marx thuế sản xuất là một phần của giá trị thặng dư.

⁷ Trình bày này thực chất có khác với quan điểm của Marx cho là dịch vụ phi sản xuất không phải là chi phí sản xuất mà là thặng dư. Quan điểm này bắt nguồn từ Adam Smith, cha đẻ của lý thuyết kinh tế tư bản và được tiếp tục chấp nhận bởi các nhà kinh tế được gọi chung là trường phái kinh tế cổ điển, trong đó có Marx. Quan điểm này đã bị bác bỏ từ lâu. Cho nên khi trình bày lý thuyết thặng dư của Marx tôi đã trình bày theo quan điểm mới, tức là mọi chi phí cho dịch vụ đều là chi phí sản xuất. Điều này không ảnh hưởng gì đến lý thuyết thặng dư.

coi như là trả lãi. Điều này cũng phù hợp với lý thuyết kinh tế của thống kê Tài Khoản Quốc Gia của Liên Hợp Quốc⁸.

- Phần còn lại là lợi nhuận cho chủ xí nghiệp hay là các cổ phần viên.

Marx không phân biệt lãi và lợi nhuận vì đều coi chúng là thuộc giá trị thặng dư. Toàn bộ giá trị thặng dư theo Marx là do sức lao động của con người tạo ra vì bản thân của tiền nếu không qua quá trình sản xuất hàng hoá sẽ không thể tạo ra lượng tiền nhiều hơn. Giá trị thặng dư này thuộc về tư bản (người bỏ vốn và người tư hữu các tài sản không do con người tạo ra, tức là những người tư hữu tư liệu sản xuất).

Nhìn nhận lại lý thuyết thặng dư

Marx cho rằng lý luận của ông không có tính chất phê phán đạo đức mà chỉ có tính phân tích tìm nguồn gốc của thặng dư. Theo cách nhìn của Marx:

- Tài sản cố định là lao động chết tức là từ thặng dư lao động của quá khứ, giá trị của nó đã được phản ánh qua chi phí khấu hao.
- Tài sản tài chính dùng để tổ chức sản xuất (cần có vốn trả lương cho lao động trước khi có thể thu hồi lại vốn sau khi bán hàng) cũng như dùng để mua hoặc chế tạo tài sản cố định dùng trong sản xuất là do bóc lột lao động mà ra.
- Tài sản không do con người sản xuất ra như đất đai và của cải thiên nhiên mà một người nào đó nắm được do sử dụng bạo lực, hoặc do thừa kế từ cha ông sử dụng bạo lực, hoặc do thu mua cũng từ vốn thặng dư do bóc lột lao động mà có.
- Lương lao động theo quan điểm của Marx bao gồm phần trả lương cao cho lao động quản lý và lao động có kỹ thuật cao và do đó lao động quản lý và kỹ thuật của bản thân của người sở hữu tư bản, nếu như họ cũng làm việc, đã được tính tới.⁹ Như vậy giá trị thặng dư chỉ có thể hiểu là phần chiếm hữu của người sở hữu tư bản không hoạt động, hoặc phần chiếm hữu vượt quá mức giá trị lao động họ bỏ ra.¹⁰

Lãi và lợi nhuận (hay thu nhập nhận được) do việc sở hữu các tài sản trên mang lại là từ thặng dư lao động. Bảng trên cũng cho thấy là kinh tế tư bản hiện đại cũng coi lãi và lợi nhuận là thặng dư (được dùng bằng từ *operating surplus*). Nói tóm lại, bóc lột xuất hiện dưới hình thức giá trị thặng dư chỉ xảy ra trong một xã hội có tư hữu tư liệu sản xuất. Marx dĩ nhiên không quên các loại vắt sức lao động người khác bằng bạo lực để chiếm đoạt mà ta thường gọi là *áp bức* đã từng xảy ra trong suốt lịch sử loài người của chủ nghĩa

⁸ GDP hay tổng sản phẩm quốc nội bao gồm giá trị mới tạo ra trong nền kinh tế. Như vậy, theo nguyên tắc GDP không bao gồm khấu hao tài sản cố định dùng trong sản xuất. Thế nhưng, Tài khoản quốc gia lại cộng thêm khấu hao để tính GDP vì việc tính khấu hao theo đúng lý thuyết kinh tế rất khó khăn, đòi hỏi việc tính lại toàn bộ giá trị tài sản cố định theo giá thị trường. Việc tính lại này là điều mà hầu hết các nước, kể cả các nước phát triển cũng không thể tính ngay được mà phải đợi ít nhất một năm sau, khi đã thu thập đầy đủ thống kê.

⁹ Marx phân tích một nền kinh tế thị trường, do đó lương bổng tất yếu phản ánh giá trị của lao động và năng suất lao động. Để tìm đến giá trị thặng dư, Marx đưa mọi lao động về lao động trung bình, và do đó lao động có giá trị cao, có năng suất cao có thể đưa về bội số của lao động trung bình.

¹⁰ Trên thế giới hiện nay, tuyệt đại đa số người sở hữu tư bản không bỏ tiền tự xây dựng và quản lý doanh nghiệp của mình. Hầu hết họ chỉ là những người sở hữu cổ phần một cách thụ động.

nô lệ, đế quốc, thực dân, cũng như hoặc áp đặt hoặc duy trì tình trạng bất bình đẳng trong quan hệ trao đổi của quá trình toàn cầu hoá hiện nay.¹¹

Từ nhận định vừa có tính chất thực tế về xã hội tư bản chủ nghĩa vừa dựa trên phương pháp trừu tượng hoá, xoá bỏ những phức tạp có tính đặc thù, để làm phân tích khoa học, Marx đã đưa đến một cái nhìn tương lai về một xã hội không có bóc lột trong Tuyên ngôn Cộng Sản.

Trong Tuyên ngôn này Mác chủ trương: “xoá bỏ chế độ tư hữu”, cụ thể hơn là cổ vũ cho “giai cấp vô sản biến thành giai cấp thống trị” và “dùng sự thống trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản, để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước, tức là trong tay giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị” kể cả “tước đoạt sở hữu ruộng đất”, “xoá bỏ quyền thừa kế”. Và nắm quyền bằng bạo lực. “Những người cộng sản coi là điều đáng khinh bỉ nếu giấu diếm những quan điểm và ý định của mình. Họ công khai tuyên bố rằng mục đích của họ chỉ có thể đạt được bằng cách dùng bạo lực lật đổ toàn bộ trật tự xã hội hiện hành.”¹²

Như vậy mặc dù không để thì giờ suy nghĩ và viết nhiều về xã hội tương lai, tức là xã hội xã hội chủ nghĩa, xã hội này rõ ràng theo Marx phải là một nhà nước của giai cấp vô sản, trong đó toàn bộ tư liệu sản xuất và tất nhiên là vốn tài chính nằm trong tay nhà nước. Và nhà nước này cũng là hình thức quá độ, vì Marx tin tưởng là xã hội cộng sản sẽ là xã hội mà nhà nước sẽ không còn tồn tại, con người làm việc vì mọi người. Tổ chức xã hội cộng sản sẽ là phải là thể chế mà con người không còn giai cấp, hoàn toàn bình đẳng, tự do, có trách nhiệm, làm việc hết khả năng, không tư lợi.

Trong nền kinh tế không có tư hữu và con người không toàn hảo, tức là ở thời kỳ quá độ, người chăm chỉ, năng suất cao, tri thức cao tất nhiên cũng được trả lương cao hơn người lười biếng, tri thức thấp, năng suất thấp. Nhà nước sẽ tính toán đầy đủ để mọi người sử dụng hết lương được trả, số tiền dành dụm và tâm lý dành dụm coi như không đáng kể và chẳng cần khuyến khích. Toàn bộ phần còn lại là thặng dư giá trị lao động mà nhà nước chiếm đoạt với mục đích tích lũy nhằm tăng phát triển kinh tế cho cả nước.

Thặng dư lao động mà nhà nước chiếm đoạt ở các nước xã hội chủ nghĩa trước kia có thể nói là rất cao, phản ánh qua tỷ lệ tích lũy/GDP lên đến 30-35%. Nếu nhìn vào thặng dư lao động mà nhà nước chiếm đoạt thì tỷ lệ này nói chung cao hơn chế độ tư bản Mỹ. Vào năm 1996, ở Việt Nam tỷ lệ thặng dư là 19,0% trong khu vực công nghiệp nhà nước so

¹¹ Đây là điểm ông Việt Phương đưa ra để làm sáng tỏ thêm phân tích về thặng dư của Marx.

¹² C. Mác và Ph. Ăng-Ghen, *Tuyên Ngôn của Đảng Cộng sản*, các đoạn trong ngoặc kép là trích theo bản dịch của Việt Nam, có trên Internet, <http://www.vcp.org.vn>. Có ý kiến cho rằng Marx xuất bản Tuyên Ngôn năm 1848, do đó có thể thay đổi quan điểm sau cuộc nội chiến Pháp với công xã Paris năm 1871 và sau khi viết tập I bộ *Tư Bản* (xuất bản năm 1867). Điều này có thể xảy ra vì với lần tái bản năm 1888, Engels có viết trong lời tựa là mặc dù có những chỗ cần viết lại như đoạn phê phán văn chương theo hướng xã hội chủ nghĩa cũng như nhận định về sự liên hệ giữa những người cộng sản và các đảng phái đối lập khác nhưng vẫn quyết định giữ nguyên vì tính chất lịch sử của văn kiện. Tuy vậy ý kiến này không có cơ sở vì trong *Phê phán Cương Lĩnh Gotha* (1875) viết trước khi qua đời, Marx cho rằng một nhà nước của giai cấp vô sản phải là “kết hợp chuyên chính vô sản và tổ chức chính trị như công xã Paris.” (Bản dịch trên địa chỉ Internet ở trên.) Tư tưởng cơ bản về vai trò của chuyên chính vô sản trong nhà nước của giai cấp vô sản như vậy không có gì thay đổi, có chăng là sau này Engels nói đến tính tự nguyện của tiểu nông trong việc gia nhập hợp tác xã.

với ở Mỹ là 22,6%. Nếu kể cả thuế sản xuất thì tỷ lệ thặng dư ở Việt Nam là 35% còn ở Mỹ là 30,0%¹³. Hai con số có thể so sánh với nhau là công nghiệp thuộc khu vực nhà nước ở Việt Nam với toàn nền kinh tế Mỹ vì nông nghiệp của Mỹ chỉ khoảng 1% còn nông nghiệp Việt Nam thì lại rất lớn mà ở đó thì hẳn là không có bóc lột lao động vì ruộng đất đã được phân phối cho hộ gia đình.

Bảng 2: Một số chỉ tiêu thu nhập lao động và thặng dư tính trên GDP

	Mỹ, 1996	Việt Nam, 1996	
		Cả nền kinh tế	Công nghiệp nhà nước
Thuế sản xuất	7,7%	15,1%	16,0%
Thu nhập lao động	60,0%	63,8%	52,7%
Khấu hao	10,5%	10,2%	12,3%
Thặng dư	22,6%	10,9%	19,0%

Nguồn: *National Accounts Statistics, 1996-1997*, Liên Hiệp Quốc và *Kinh tế Việt Nam Trong Những Năm Đổi Mới*, Nhà Xuất bản Thống kê, Hà Nội, 2000.

Chúng ta có thể lý luận là việc nhà nước nắm thặng dư về cơ bản khác với việc tư nhân nắm thặng dư. Nhà nước nắm thặng dư là nhằm phục vụ cho số đông. Nhưng đối với nhiều người lao động có thể họ nhìn khác vì không tin tưởng vào vai trò, tính hiệu quả và sự trong sạch của nhà nước. Họ chỉ cần thấy phần được chia của họ; phần thặng dư bị người khác nắm lấy, dù là nhà nước hay tư nhân thì cũng giống nhau. Nếu coi bảng trên ta thấy tỷ lệ GDP trả cho người lao động trong công nghiệp (thu nhập lao động ở Việt Nam) cũng rõ ràng là thấp hơn ở Mỹ. Lao động chỉ nhận được 52,7% từ GDP thay vì 60% như ở Mỹ. Lý luận ngược lại có thể là: bây giờ thì thế nhưng tương lai thì khác. Nhà nước không nhằm mục đích bóc lột lao động nhưng vì các mục đích chung tốt đẹp và sự phát triển của kinh tế. Nhưng đợi đến ngày thấy kết quả của tương lai này tới thì có lẽ mọi người đã nằm trong nhà mồ rồi. Và cũng chẳng chắc gì khả năng nhà nước mang lại khá hơn.

Chúng ta có thể thấy khá rõ ràng tính chất viễn mơ của hệ luận dựa trên quan điểm của Marx sau:

Xoá bỏ bóc lột lao động → Xoá bỏ tư hữu → Nhà nước nắm thặng dư → Xã hội, con người toàn hảo.

→ có nghĩa là tất dẫn đến. Chỉ có sự liên hệ tất yếu như thế thì về mặt logic hoặc hình thức hoặc thực tế, quan điểm của Marx mới có ý nghĩa. Marx không viết ra rõ ràng về xã hội và con người trong xã hội không còn tư hữu, nhưng tôi nghĩ rằng Marx cho rằng con người có thể đạt đến *con người toàn hảo* trong một *thể chế toàn hảo*. Thể chế toàn hảo này là thể chế không có tư hữu tư liệu sản xuất. Con người toàn hảo là con người:

- Tôn trọng tự do của người khác,
- Không màng tư hữu, danh lợi, quyền lực
- Làm việc hết mình vì người khác
- Không tiêu dùng quá sức mình

¹³ Ở đây, thuế thu nhập không được kể tới vì nó chỉ nhằm phân phối lại lợi tức và không ảnh hưởng đến giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm hay giá trị thặng dư.

- Nắm bắt được tri thức hiện đại, thông tin cụ thể và nhìn xa thấy rộng
- v.v.

Marx không bao giờ viết như vậy, nhưng có lẽ ta cần nhìn như vậy thì mới thấy ý nghĩa của việc Marx tìm ra nguồn gốc của bóc lột ở tư hữu, để từ đó Marx mơ đến một xã hội toàn hảo không còn tư hữu và cổ võ cho cuộc cách mạng bạo lực xoá bỏ tư hữu. Từ đây chữ tư hữu được dùng thay cho chữ tư hữu tư liệu sản xuất cho ngắn gọn chứ còn Marx phân biệt rất rõ tư hữu những vật thể hữu hình và vô hình cá nhân và tư hữu tư liệu sản xuất.

Xã hội toàn hảo mà Marx mơ tới đã không xảy ra và việc xây dựng con người toàn hảo cũng không đạt được ở các nước xã hội chủ nghĩa kiểu cũ.

Chế độ xã hội chủ nghĩa dựa trên công hữu nhà nước đã phá sản. Sự phá sản này cho thấy rõ ràng thể chế xã hội không chỉ xây dựng trên cơ sở kinh tế, mặc dù cơ sở kinh tế là quan trọng nhất. Thể chế xã hội còn xây dựng trên quyền lực, đặc biệt là quyền lực chính trị. Điều này Marx đã không nhận diện hết. Marx chỉ nhấn mạnh đến quyền lực phát sinh từ quyền lực kinh tế. Nhưng rõ ràng là quyền lực có thể phát sinh từ bạo lực, từ độc quyền chính trị, từ tri thức, từ tôn giáo và từ sức mạnh kinh tế, bất kể hình thức tổ chức bộ máy nhà nước. Ở các nước xã hội chủ nghĩa cũ, quyền lực cá nhân do tư hữu kinh tế mang lại đã bị tước bỏ, nhưng quyền lực hoặc lạm dụng quyền lực cá nhân và bè nhóm đã không bị xoá bỏ mà còn được nhân lên gấp vạn lần dưới thời Stalin và Mao.¹⁴ Con người từ lãnh tụ đến nhân dân không đi đến toàn hảo mà bị tha hoá trầm trọng. Vấn đề quyền lực trong một nước xã hội chủ nghĩa chỉ mới được nhìn nhận gần đây và việc nhìn nhận vẫn còn dè dặt, nửa vời. Chúng ta có thể lý luận là lạm dụng quyền lực có thể bị xoá bỏ nếu như có thể chế phù hợp nhằm hạn chế và cân bằng quyền lực trong xã hội. Điều đó có thể đạt được lắm chứ. Nhưng sự tước bỏ tư hữu chắc chắn không đưa đến con người toàn hảo, mình vì mọi người và chính đó là lý do làm động lực phát triển bị thui chột.

Sự phá sản của các nước xã hội chủ nghĩa kiểu cũ không có nghĩa là lý thuyết thặng dư không đúng và cũng không có nghĩa là hệ luận mà Marx rút ra từ lý thuyết thặng dư là không đúng. Cho đến nay cũng chưa thấy ai đưa ra lý thuyết nào bác bỏ lý thuyết thặng dư mà có tính thuyết phục cao. Nhưng vấn đề không phải là bác bỏ lý thuyết thặng dư mà là bác bỏ tính tất yếu của hệ luận từ lý thuyết thặng dư sang xoá bỏ tư hữu, tức là xoá bỏ cơ sở của bóc lột lao động. Việc bác bỏ này cũng chỉ có nghĩa là thể chế xã hội chủ nghĩa kiểu cũ không thích hợp, vì nó không dựa trên một cái nhìn đúng đắn về con người và quyền lực. Như đã nói con người có thể xây dựng một thể chế mới thích hợp hơn. Nhưng đến nay thì không ai dám thử nghiệm với một mô hình kiểu mới dựa trên xoá bỏ tư hữu và có lẽ cũng không có một dân tộc nào lại đại dốt làm một cuộc thử nghiệm mới bởi vì họ không thể tiên đoán được giá phải trả sẽ như thế nào. Các nước xã hội chủ nghĩa cũ còn lại như Việt Nam và Trung Quốc đã trở lại với kinh tế thị trường, chấp nhận tư hữu, tức là chủ nghĩa tư bản, chỉ ít là trong giai đoạn quá độ hiện nay. Một hình thức khác mà các nhà chính trị Trung Quốc và Việt Nam đang theo đuổi là chấp nhận kinh tế thị trường cạnh tranh, chấp nhận tư hữu trong giai đoạn hiện tại, nhưng xây dựng công hữu qua doanh nghiệp quốc doanh, coi chúng là chủ đạo và hy vọng là công hữu quốc doanh sẽ

¹⁴ Dĩ nhiên thực tế này không nhất thiết đưa đến kết luận nếu cứ xoá bỏ tư hữu tất dẫn đến sự độc đoán về quyền lực.

vươn lên chiếm ưu thế, đè bẹp tư hữu về dài hạn. Con đường này tất nhiên chẳng có gì là sai về mặt lý luận, nhưng nó đã được xây dựng trên hai tiền đề rất không thực tế: (a) công hữu tất dẫn đến năng suất lao động cao hơn tư hữu; (b) con người hoạt động đại diện công hữu là con người toàn hảo hoặc chí ít là ngày càng toàn hảo.

Vậy vấn đề đặt ra là liệu có một giải pháp xoá bỏ bóc lột hoặc ít nhất là giảm thiểu bóc lột mà không cần xoá bỏ tư hữu hay không cần lấy công hữu làm chủ đạo không?

Kinh tế thị trường và việc nhìn nhân lai lai

Kinh tế thị trường dựa vào một nhận định rất thực tế là con người không toàn hảo, mặc dù cần phải sống trong cộng đồng nhưng là vị kỷ, đặt lợi ích cá nhân lên hàng đầu và chỉ chịu hạn chế tự do và lợi ích cá nhân khi chúng là những đòi hỏi cần thiết mà cộng đồng cần áp đặt lên cá nhân để bảo vệ sự tồn tại của cộng đồng, đồng thời cá nhân đó cũng chấp nhận sự áp đặt vì chính sự tồn tại của cộng đồng bảo vệ lợi ích của nó. Áp đặt và chấp nhận áp đặt này có tính đồng thuận xã hội.

Trong một nền kinh tế thị trường tự do với những con người tư lợi, tuyệt đại đa số lao động đòi hỏi được trả công theo công sức mà họ bỏ ra. Người chăm chỉ, năng suất cao, tri thức cao đòi hỏi có lương cao hơn người lười biếng, tri thức thấp, năng suất thấp. Điều này tất nhiên có thể áp dụng trong cả nền kinh tế thị trường tự do hay nền kinh tế không có tư hữu. Nhưng cái khác cơ bản là nếu như một lao động chịu khó làm việc, có lương cao, chịu khó dành dụm, và khi họ lấy tiền dành dụm được để cho nhà nước và người khác vay để tái sản xuất ở mức cao hơn, thì họ có thể hưởng lãi trên số tiền vốn cho vay ấy không? Theo phân tích của Marx thì lãi này phát sinh từ lao động của người khác nên lãi này tất nhiên có nguồn gốc bóc lột lao động của người khác. Đó chỉ là một cách nhìn. Nhưng chúng ta cũng có thể nhìn một cách khác, dưới lăng kính của con người vị kỷ. Đã là con người vị kỷ thì dù là một cá nhân nào đó, một tập thể nhỏ nào đó, hay là nhà nước muốn sử dụng vốn để dành do chính sức lao động của một cá nhân nào đó tạo ra thì không lẽ cá nhân đó lại phải cho mượn *không có lãi* để tránh mang tiếng bóc lột? Và nếu “không có lãi” là phạm trù của thể chế xã hội, thì số người chịu dành dụm sẽ không đáng kể. Dưới cách nhìn lãi là bóc lột, Marx đã không nghĩ ra giải pháp gì khác hơn là dùng bàn tay nhà nước nắm thặng dư lao động để có tích lũy xã hội. Và đó là quan điểm cần thiết đối với Marx vì có thể nói Marx là nhà kinh tế đầu tiên nhìn ra tầm quan trọng của tích lũy, yếu tố chính trong phát triển kinh tế. Quan điểm này rất logic.

Nhưng trong nền kinh tế thị trường, nếu coi lãi là giá cần thiết mà người cần vốn phải trả cho người có vốn và qua đó hai bên cùng có lợi thì lãi vẫn là thặng dư lao động, nhưng không thể coi là bóc lột. Quan điểm chống cho vay lãi đã là quan điểm của Thiên chúa giáo và Hồi giáo kéo dài hàng ngàn năm do đó không thể không ảnh hưởng đến quan điểm của Marx. Mà quan điểm chống cho vay lãi thực chất là chống cho vay nặng lãi khi thị trường vốn chưa hình thành, khi nền kinh tế không có cạnh tranh và do đó việc cho vay hoàn toàn tùy thuộc vào sức mạnh độc quyền của một vài người có vốn.

Nếu lãi không phải là thặng dư, thì trả lãi cho vốn cổ phần huy động cũng thế. Người bỏ vốn cổ phần hy vọng ít nhất là tỷ lệ thu nhập thu về bằng với lãi suất trả cho người cho vay vốn. Nếu đầu tư có rủi ro thì người bỏ vốn tất kỳ vọng phần lãi thu về cao hơn lãi cho vay. Nếu nhìn như thế, chỉ có phần thu nhập cổ tức vượt mức lãi suất trung

bình mới có thể gọi là thặng dư có tính bóc lột. Trong bảng 1, thặng dư có tính bóc lột chính là lợi nhuận. Phần thuế sản xuất thực chất theo Marx cũng là thặng dư do nhà nước thu lấy.

Thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thặng dư và vấn đề bóc lột lao động

Lý thuyết kinh tế tân cổ điển (neoclassical theory) đã chứng minh rằng trong thị trường cạnh tranh toàn hảo, lợi nhuận theo định nghĩa ở trên (coi bảng 1) bằng không (zero). Do đó một nền kinh tế thị trường có cạnh tranh toàn hảo không có bóc lột lao động. Vậy thị trường cạnh tranh toàn hảo là gì?

Thị trường *cạnh tranh toàn hảo* (perfect competition) là mô hình lý thuyết trừu tượng và toàn bích. Nó là cơ chế trong đó các đơn vị tham gia, kể cả người bán và người mua, không ai kiểm soát được giá cả trên thị trường và họ có đầy đủ thông tin về thị trường, về kỹ thuật không những cho hiện tại mà còn cho cả tương lai để làm quyết định tối ưu, nói tóm lại là không có vấn đề rủi ro. Giá sản phẩm là cái có sẵn trên thị trường, do cung cầu định đoạt. Thị trường này tồn tại khi một sản phẩm có rất nhiều người bán (hoặc người sản xuất) và rất nhiều người mua, do đó quyết định của từng đơn vị nhỏ bé trong đó không ảnh hưởng gì đến giá cả của thị trường.

Trên thị trường các đơn vị sản xuất tính toán nhằm tối ưu hoá lợi nhuận bằng cách phối hợp vốn, kỹ thuật và phương tiện sản xuất, vật tư và lao động, còn người lao động sẽ quyết định một cách hợp lý nhất việc sử dụng lao động của mình để có lợi tức và lựa chọn hàng hoá tiêu dùng đạt thoả mãn cao nhất. Có thể chứng minh là hệ thống thị trường tự do này là cơ chế sử dụng hữu hiệu nhất nguồn tài nguyên thiên nhiên và con người nhằm tạo ra của cải vì bất cứ một tác động điều tiết nào, dù không ảnh hưởng đến hiệu quả làm ra của cải, cũng chỉ là sự phân phối lại: lợi của đơn vị này bù trừ thiệt của đơn vị khác. Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, lợi nhuận (profit) — tức là phần thặng dư vượt lãi xuất tối ưu - bằng zero. Lý luận bình thường cũng cho thấy là nơi nào có lợi nhuận người sản xuất sẽ đổ xô vào, nếu như thị trường không độc quyền, cung do đó tăng so với cầu, giá sẽ giảm để cung cầu quân bình và lợi nhuận sẽ không còn.

Mô hình kinh tế thị trường trên và hệ luận của nó bắt nguồn từ Adam Smith nhưng được Gerard Debreu và Kenneth Arrow chứng minh nghiêm túc với các định đề toán học phản ánh các định đề (axioms) và giả định kinh tế cần thiết.¹⁵

Lý thuyết kinh tế thị trường ngoài việc chứng minh hiệu quả của thị trường cạnh tranh hoàn hảo khi không có phát triển cũng đã đạt được cùng một kết luận cho cả trường hợp nền kinh tế có phát triển do tăng dân số và năng suất (kết quả của tiến bộ trong phương pháp quản lý thức sản xuất và khoa học kỹ thuật). Trong trường hợp tối ưu đơn giản nhất khi có phát triển, được gọi là luật vàng (golden rule):¹⁶

¹⁵ Gerard Debreu, *Theory and Value: An Axiomatic Analysis of Economic Equilibrium*, New Haven: Yale University Press, 1959; Kenneth Arrow and G. Debreu, "Existence of an Equilibrium for a Competitive Economy," *Econometrica*, 22, 1954; Kenneth Arrow and L Hurwicz, "On the stability of the Competitive Equilibrium, I," *Econometrica*, 26, 1958 và K.. Arrow, H.D. Block and L. Hurwicz, "On the stability of the Competitive Equilibrium, II," *Econometrica*, 27, 1959.

¹⁶ E.S. Phelps, *Golden Rules of Economic Growth*, New York: Norton, 1966 hay E.S. Phelps, "Accumulation and the Golden Rule," *American Economic Review*, Vol. 51, 1961.

Tốc độ phát triển = lãi suất¹⁷ = tốc độ tăng tích lũy

Lý thuyết thị trường cạnh tranh toàn hảo không nhằm giải thích thặng dư hoặc lãi từ đâu mà ra mà chỉ giải nhằm giải thích giá trị tăng thêm được phân phối trên thị trường như thế nào. Thuyết tân cổ điển rút ra từ mô hình kinh tế được toán học hoá là giá trị tăng thêm (hoặc sản phẩm tạo thêm ra) sẽ được phân chia hết khi lao động (lương) và tư bản (lãi) được trả theo năng suất biên. Lương trả cho lao động, lãi trả cho vốn là do thị trường quyết định khi người sản xuất tối ưu lợi nhuận còn người lao động tối ưu thoả mãn của họ.

Như vậy trên cơ sở của thị trường cạnh tranh toàn hảo không có thặng dư, ta có thể thấy một hệ luận quan trọng là để xoá bỏ bóc lột lao động, cần xây dựng một thị trường cạnh tranh toàn hảo. Hay nói khác đi, để giảm thiểu bóc lột thì nhà nước cần có vai trò tích cực trong việc xây dựng thị trường cạnh tranh toàn hảo. Hệ luận trên đưa đến phương pháp xoá bỏ bóc lột lao động khác với Marx. Hệ luận này cũng ngược lại hoàn toàn với cái nhìn là nhà nước không nên ảnh hưởng vào thị trường mà cứ để “bàn tay vô hình điều động.” Và như Marx đã nhận định, nếu cứ để thị trường hoàn toàn tự do, thì thị trường cạnh tranh tất dẫn đến độc quyền.

Thị trường thực tế: cạnh tranh không toàn hảo

Lý thuyết về thị trường cạnh tranh toàn hảo cũng đưa đến hệ luận là lãi suất trong các hoạt động kinh tế khác nhau sẽ ngang bằng khi thị trường đạt điểm tối ưu, và lợi nhuận bằng không.

Nhưng thực tế là lãi suất thường không ngang nhau và lợi nhuận không bằng không. Điều này có ba lý do:

1. Thị trường thực tế mang tính độc quyền
2. Thị trường thực tế có rủi ro;
3. Thị trường thực tế không hoàn hảo theo nghĩa tác nhân trong thị trường không nắm được toàn bộ thông tin

Điểm một đòi hỏi việc cải tổ thể chế để bảo đảm không có độc quyền tức là tình trạng một hay một vài người bán và người mua (hoặc công ty) có thể quyết định giá trên thị trường.

Điểm hai và điểm ba có cùng nguồn gốc là thông tin không đầy đủ. Nhưng khác nhau ở chỗ rủi ro thì có thể tính trước được nhưng các thực tế không hoàn hảo khác thì không tính trước được. Rủi ro tính trước được thường dựa trên xác suất hiện tượng xảy ra trong quá khứ. Chẳng hạn trung bình người mượn tiền ngân hàng thì xác suất trả lại là bao nhiêu, mất cắp trong bán hàng thì thường như thế nào. Lãi suất không cân bằng trên thị trường là do rủi ro này. Lãi suất thực tế sẽ bằng lãi suất thị trường trừ đi mất do rủi ro.

Điểm ba là rủi ro không tính trước được, chẳng hạn như việc đầu tư vào công nghệ tân tiến có khả năng thành công lớn mà khả năng mất sạch cũng lớn, do đó lãi suất thường

¹⁷ Lãi suất (interest rate) = sản lượng biên của tích sản cố định (marginal product of capital).

cao hơn lãi suất trung bình rất nhiều (cho những người thành công). Rủi ro hiện diện vì thông tin không toàn hảo. Do đó vai trò của thông tin rất quan trọng. Nắm hoặc khuynh đảo được thông tin sẽ tạo ra lợi nhuận. Điều này cho thấy vai trò của nhà nước trong việc bảo đảm thông tin từ nhà nước là thông tin đại chúng, mọi người đều được hưởng như nhau, không thiên vị.

Điểm ba còn liên quan đến vai trò của sáng kiến có thể bao gồm cả cái mà ta hay gọi là tinh thần lập nghiệp (entrepreneurship), phát minh và tri thức nói chung. Người lập nghiệp có thể nhìn thấy lỗ hổng nhu cầu chưa được quan tâm trên thị trường, hoặc đơn vị sản xuất có sáng kiến và phát minh tăng năng suất có thể đạt được siêu lợi nhuận, vì là người sẵn sàng đi đầu, do đó vô hình chung tạo thế độc quyền định giá nếu như thị trường chấp nhận sáng kiến, phát minh của họ. Họ có thể đạt siêu lợi nhuận. Nhưng siêu lợi nhuận sẽ dần dần mất đi vì các đơn vị sản xuất khác sẽ cạnh tranh cố gắng theo kịp do đó giá bị đẩy xuống. Để tìm hiểu xem siêu lợi nhuận có thể coi là siêu bóc lột không ta hãy xem xét thí dụ sau. Chẳng hạn một nhà sáng chế nghĩ ra một sản phẩm mới có thể làm hạ giá thành của rất nhiều nhà sản xuất khác. Nhà sáng chế thấy mối lợi nên thuê người làm, giả dụ không cần có tay nghề chuyên môn để sản xuất công cụ đó và trả lương họ tương đương với lương cao nhất mà những người làm thuê này có thể kiếm được trên thị trường. Do lợi ích mà sản phẩm này mang lại, người sử dụng cũng sẵn sàng trả giá rất cao cho các công cụ này do đó tạo ra siêu lợi nhuận cho người sản xuất. Vậy siêu lợi nhuận này thuộc về ai? Về nhà sáng chế hay người lao động không tay nghề? Phải chăng lợi nhuận này là bóc lột lao động? Thí dụ này cho thấy sự gắn bó chặt chẽ của siêu lợi nhuận với tinh thần lập nghiệp, sáng kiến, phát minh và đóng góp của tri thức.

Sự tồn tại của siêu lợi nhuận chính là động lực thúc đẩy sáng kiến và phát minh làm tăng năng suất. Siêu lợi nhuận công ty Microsoft tạo ra từ phần mềm “cửa sổ” dùng để điều hành máy tính cá nhân hiện nay có thể hiểu được khi sáng kiến của họ chưa có ai thay thế được. Nhưng cũng chính vì sợ cạnh tranh mà họ phải đều đặn giảm giá đồng thời tăng khả năng sử dụng để vừa mở rộng thị trường vừa bảo vệ thị phần. Nếu như nhà nước quốc hữu hoá hoặc đánh thuế đặc biệt vì sự hiện diện của siêu lợi nhuận, chắc chắn phát triển của công nghệ thông tin sẽ không nhanh chóng như vừa qua. Nếu nhà nước đánh thuế cao vào thu nhập kếch sù của người nắm đa số cổ phần Microsoft thì đây là hành động phân phối lại lợi tức, và không nhất thiết đưa đến giảm động lực làm việc của họ nếu như mức thuế giữ ở mức độ mà việc làm việc vẫn đưa đến nhiều thoả mãn hơn là ngồi không.

Lý thuyết thặng dư của Marx phân tích có tính trừu tượng hoá, giản lược mọi trường hợp vào tình trạng trung bình, do đó các trường hợp đặc biệt như trường hợp sáng kiến nói ở trên không có chỗ đứng. Nguyên tắc phân tích này hoàn toàn có thể chấp nhận được. Thế nhưng các nhà lý luận thị trường cho rằng trường hợp đặc biệt này chính là động lực thúc đẩy phát triển có tính cách nhảy vọt. Ở một nền kinh tế công hữu, nếu như con người toàn hảo thì việc đưa sáng kiến có lợi cho mọi người không phải là điều ngoại lệ.

Một vấn đề nữa của lý thuyết thị trường toàn hảo là phải dựa vào một người ra giá (auctionner) và thay đổi nó để quân bình giữa cung của người bán và cầu của người mua và một hệ thống thể chế điều hành nó. Thị trường *gần nhất* với thị trường cạnh tranh toàn hảo là thị trường chứng khoán, nhưng chính thị trường chứng khoán đòi hỏi một thể chế do con người tự thiết chế một cách rất rõ ràng, không phải dựa vào *bàn tay vô hình* mà có

bàn tay quyền lực của tập thể xã hội thông qua hội đồng kiểm soát chứng khoán và hệ thống luật pháp được thiết chế nhằm ngăn chặn và trừng phạt những người muốn khuynh đảo thị trường bằng cách họp nhau định giá, dùng báo chí tung tin thất thiệt, lấy thông tin thống kê nhà nước trước khi được công bố, v.v. và thị trường này cần người hô giá (auctionner). Ở trên tôi dùng chữ *gần nhất* là vì lý thuyết thị trường cạnh tranh toàn hảo giả định là mọi đơn vị tham gia thị trường đều có thông tin toàn hảo về thị trường, nhưng giả định này không có thực. Thông tin không toàn hảo có khi đưa đến hành động đàn lữ, thị trường chứng khoán trời sập lớn và bất ngờ đòi hỏi sự can thiệp nhất định của nhà nước như quyết định tạm dừng buôn bán xảy ra năm 1987 ở Mỹ¹⁸.

Kết luận

Bài này đã trình bày lý thuyết thặng dư của Marx và cho rằng kết luận thặng dư là bóc lột lao động là có cơ sở lý luận. Bài viết cũng định nghĩa lại thặng dư theo quan điểm kinh tế mới và cho rằng lãi không phải là thặng dư lao động mà là giá ngang bằng (phải trả hoặc được hưởng) nhằm quân bình giữa cung và cầu vốn trên thị trường. Thặng dư do đó chỉ còn lại là lợi nhuận. Việc định nghĩa lại này không ảnh hưởng gì đến lý thuyết thặng dư. Bài cũng trình bày có hai cách xoá bỏ bóc lột:

- Xoá bỏ tư hữu và tập trung lợi nhuận và lãi vào tay nhà nước (quan điểm của Marx). Để đạt được nền kinh tế công hữu tối ưu như nền kinh tế thị trường cạnh tranh toàn hảo thì phải xây dựng được một nhà nước toàn hảo và những người công dân toàn hảo.
- Xây dựng một thể chế kinh tế thị trường cạnh tranh toàn hảo hoặc gần mô hình kinh tế toàn hảo để xoá bỏ thặng dư. Mô hình cạnh tranh toàn hảo hoàn toàn phù hợp với việc phân bố lại lợi tức lao động đặc biệt là qua thuế lợi tức trong xã hội để giải quyết các vấn đề xã hội mà kinh tế thị trường không giải quyết được. Kinh tế thị trường cũng hoàn toàn phù hợp với các chính sách xã hội khác như bảo vệ người lao động trên cơ sở có pháp luật đòi hỏi có hợp đồng lao động, có tính tự nguyện, lương thoả đáng trên cơ sở bảo đảm lương tối thiểu, tôn trọng nhân phẩm, bảo đảm điều kiện thăng tiến cho công nhân, v.v. Các quốc gia Bắc Âu đã có lúc đánh thuế lợi tức đến mức 70% mà vẫn đạt được năng suất lao động và trình độ phát triển cao và không đi đến suy sụp như các nước xã hội chủ nghĩa dựa trên cơ sở xoá bỏ tư hữu tư liệu sản xuất.

Quan điểm của Marx là hoàn toàn logic nhưng để một xã hội “không tư hữu” vận hành có năng suất và bảo đảm công lý, có sáng kiến nhằm tạo bước nhảy vọt, mọi người trong xã hội đó phải toàn hảo. Thực tế cho thấy ngay cả tôn giáo cũng thất bại trong việc tạo ra con người toàn hảo hướng chi một ý thức hệ chính trị như chủ nghĩa Marx. Kinh tế thị trường toàn hảo chỉ đòi hỏi xây dựng một thể chế thị trường toàn hảo chứ không đòi hỏi con người toàn hảo. Nó coi con người là những đơn vị kinh tế vị kỷ, nhưng buộc phải tuân thủ một số qui định mang tính luật pháp của thị trường toàn hảo hay gần toàn hảo.

¹⁸ Để coi thêm chi tiết hơn về việc xây dựng một thị trường toàn hảo, xin đọc Vũ Quang Việt, “Thử tìm hiểu về nội dung thể chế trong kinh tế thị trường ở Việt Nam”, <http://www.wright.edu/~tdung/liege99.htm>